

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DL
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2022/DS-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng

Mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá K Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Duy Trâm.

2. Ông Phan Văn Phương.

- U ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Dàng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện DL.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện DL: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST-DS ngày 20/10/2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-DS ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện DL, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Vợ chồng ông Ninh Văn G và bà Vũ Thị K.**

Địa chỉ Số KK Thôn 01 xã Hòa Nam, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: **Vợ chồng ông Trần Văn K; sinh năm 1960, bà Phạm Thị U; sinh năm 1959**

Địa chỉ: Thôn 8, xã Hòa Nam, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thay mặt nguyên đơn, bà K thay mặt vợ chồng trình bày:

Do là người quen biết nhau trong thôn nên từ năm 2011, nhà bà có nhiều lần bán cám lợn cho gia đình ông K bà U theo hình thức lấy hàng trước trả tiền sau. Hình thức mua bán nói miệng chứ không làm hợp đồng, sau khi lợn xuất

chuông thì sẽ thanh toán tiền cám. Vợ chồng ông K có nhiều lần mua cám và nhiều lần trả tiền, bao nhiêu lần thì không nhớ. Đến ngày 15/02/2015 do ông K không trả tiền đủ như cam kết nên dừng việc bán hàng và chốt lại số tiền còn nợ 135.000.000đ, bà U có ký giấy xác nhận nội dung này hẹn đến 15/4/2015 sẽ thanh toán và đồng thời thỏa thuận mức lãi là 1,5%/tháng. Đến ngày 15/3/2016, vợ chồng ông K bà U có trả được 30.000.000đ thông qua Công ty đòi nợ thuê An Phát; ngày 25/3/2017, vợ chồng ông K bà U có trả thêm 25.000.000đ cũng thông qua Công ty đòi nợ thuê An Phát; Tổng số tiền mà vợ chồng ông K bà U đã trả thông qua Cty An Phát thì Cty An Phát đã chuyển lại cho bà K đầy đủ, bà K xác nhận là đã nhận 55.000.000đ mà ông K Bà U trả cho vợ chồng bà thông qua Cty An Phát, giữa vợ ông bà và Cty An Phát không có nợ tiền gì của nhau. Như vậy Tổng số tiền mà vợ chồng ông K bà U đã trả cho vợ chồng bà K ông G sau ngày chốt nợ 15/02/2015 là 55.000.000đ, số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000đ. Nay vợ chồng yêu cầu vợ chồng ông K bà U trả 80.000.000đ nợ gốc và tiền lãi cụ thể. Tiền lãi của 135.000.000đ theo mức 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 15/4/2015 đến ngày 15/3/2016 là 11 tháng, thành tiền là 14.850.000đ; Tiền lãi của số tiền 80.000.000đ theo mức 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 25/3/2017 đến ngày 25/6/2022, làm tròn là 63 tháng, thành tiền là 75.600.000đ. Tổng số tiền lãi yêu cầu là 90.450.000đ; tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu là 170.450.000đ. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy ghi nợ có xác nhận của bà U, ông K ngày 15/02/2015.

Về phía bị đơn, thay mặt vợ chồng bà U trình bày: Đúng là gia đình bà có mua cám Lợn của nhà bà K ông K từ ngày 29/6/2013 đến ngày 23/8/2013 với hình thức nhận hàng trước, khi nào Lợn xuất chuồng thì trả tiền Cám và nợ lại tổng số tiền 73.633.000đ. Trong quá trình mua Cám thì có nhiều lần trả tiền cụ thể. Ngày 06/5/2014 có trả cho vợ chồng ông G 22.700.000đ, tuy nhiên trong sổ sách thì bà K chỉ ghi có nhận 20.000.000đ; ngày 15/3/2016 có trả cho công ty đòi nợ An Phát 30.000.000đ để chuyển cho vợ chồng ông G; ngày 25/3/2017 có trả cho Cty An Phát 25.000.000đ để chuyển trả cho ông G. Như vậy tổng số tiền đã trả là 77.700.000đ, đã vượt quá số tiền nợ gốc. Do đó vợ chồng bà không đồng ý trả nợ như yêu cầu của vợ chồng ông G bà K.

Tại phiên hòa giải:

Vợ chồng bà K ông G đồng ý chỉ nhận lại 80.000.000đ tiền nợ gốc nếu bà U, ông K trả ngay và không tính tiền lãi. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý, vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày nên vợ chồng ông G bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa:

Bà K trình bày, giấy nhận nợ ngày 15/02/2015 là do bà viết và bà U ký tên xác nhận còn nợ 135.000.000đ tiền vay. Tuy nhiên bản chất số tiền này là tiền bà U ông K nợ do mua cám lợn chưa thanh toán, chứ không phải do vay nợ. Tại phiên tòa, bà yêu cầu vợ chồng ông K bà U trả 80.000.000đ nợ gốc và tiền lãi, cụ thể 135.000.000đ x 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 15/2/2015 đến ngày

15/3/2016 làm tròn 12 tháng, thành tiền là 18.225.000đ; tiền lãi của số tiền 80.000.000đ theo mức 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 25/3/2017 đến ngày 29/12/2022 làm tròn là 70 tháng, thành tiền là 63.000.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu là 161.225.000đ.

Bà U trình bày. Đối với tài liệu chứng cứ ghi nợ mà ông G nộp cho Tòa án nhân dân huyện DL, tỉnh Lâm Đồng thì bà xác nhận chữ ký nhận nợ bên dưới đúng là của bà và ông K. Lý do vợ chồng bà xác nhận số tiền còn nợ đến ngày 15/02/2015 là 135.000.000đ vì lúc này không mang theo sổ ghi theo dõi quá trình nhận cầm lộn và thanh toán tiền. Vợ chồng bà xác nhận số tiền 135.000.000đ ghi trong giấy nhận nợ là không đúng như thực tế đã thanh toán. Trong giấy nhận nợ này bà ghi tên Phạm Thị U U là do bà ghi thừa 01 chữ “U”. Tên đầy đủ của bà là Phạm Thị U. Vợ chồng bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng bà K ông G.

Ông G thống nhất như lời trình bày của bà K, ông K thống nhất như lời trình bày của bà U là đúng, hai ông không bổ sung gì.

Đại diện Kiểm sát viên phát biểu quan điểm xử lý:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện DL, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân huyện DL có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định. Việc mua bán cầm lộn diễn ra từ năm 2011 đến năm tháng 02 năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp :

Các đương sự đều thừa nhận có việc mua bán cầm lộn với nhau từ trước năm 2015, theo hình thức nhận hàng trước và thanh toán tiền sau. Các bên có rất nhiều lần mua hàng và nhiều lần trả tiền, nhưng do thời gian quá lâu nên không xác định được cụ thể. Đến ngày 15/02/2015 thì bà K và vợ chồng ông K bà U có chốt lại số tiền còn nợ chưa trả là 135.000.000đ. Tuy nhiên vợ chồng ông K bà U

cho rằng số tiền còn nợ 135.000.000đ là không đúng, ông bà chỉ nợ 73.633.000đ. Ngoài ra vợ chồng ông K bà U có 03 lần trả tiền mua Cắm cho bà K. Cụ thể, ngày 06/5/2014 có trả 22.700.000đ, tuy nhiên trong sổ sách thì bà K chỉ ghi có nhận 20.000.000đ; ngày 15/3/2016 trả 30.000.000đ và ngày 25/3/2017 là 25.000.000đ. Như vậy tổng số tiền đã trả là 77.700.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng, Giấy ghi nợ được lập ngày 15/02/2015, từ sau thời điểm này thì các bên không còn mua bán gì với nhau. Các lần nhận tiền trả nợ vào các ngày 15/3/2016 là 30.000.000đ và ngày 25/3/2017 là 25.000.000đ, đều được bà K trừ vào số tiền nợ gốc 135.000.000đ. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với nội dung ghi nhận việc trả tiền ngày 06/5/2014, ngày 15/3/2016 và ngày 25/3/2017, thể hiện tại bút lục số 40 do bị đơn cung cấp. Bên cạnh đó bà U trình bày số tiền còn nợ 135.000.000đ là không đúng, ông bà chỉ nợ 73.633.000đ và đã trả 77.700.000đ. Việc bà U cho rằng xác nhận nợ nhầm lẫn vì bà không mang theo sổ sách để đối chiếu là không có cơ sở, mặc khác việc ông bà trình bày đã trả nhiều hơn cả số tiền đang nợ là không phù hợp với lẽ Uòng. Căn cứ Điều 92, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 428 và Điều 438 của bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà U ông K còn nợ 80.000.000đ tiền mua cám lợn chưa thanh toán. Cần buộc vợ chồng ông K bà U trả cho vợ chồng ông G bà K số tiền 80.000.000đ nợ gốc là đúng quy định.

[3] Về yêu cầu trả lãi : Xét yêu cầu tính lãi của bà K ông G là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 467 của bộ luật dân sự năm 2005, nên cần chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được chấp nhận là 135.000.000đ x 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 15/2/2015 đến ngày 15/3/2016 làm tròn 12 tháng, thành tiền là 18.225.000đ; tiền lãi của số tiền 80.000.000đ theo mức 1,125%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 25/3/2017 đến ngày 29/12/2022 làm tròn là 70 tháng, thành tiền là 63.000.000đđ. Tổng số tiền lãi được chấp nhận là 81.225.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu được chấp nhận là 161.225.000đ.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của ủy ban Uòng vụ Quốc hội. Vợ chồng bà U ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho vợ chồng bà K ông G. Tuy nhiên xét ông bà là người cao tuổi, có đơn yêu cầu xin miễn tiền án phí. Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông K bà U là đúng quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[6] Các vấn đề khác:

[6.1] Theo giấy ghi nợ ngày 15/02/2015, thể hiện số tiền 135.000.000đ là tiền nợ do vay mượn. Tuy nhiên tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận toàn bộ khoản tiền này là nợ do mua bán cám lợn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng với bản chất sự việc.

[6.2] Trong giấy ghi nợ ngày 15/02/2015, dưới phần người vay ghi tên Phạm Thị U U. Quá trình làm việc, bà U thừa nhận ghi thừa 01 chữ “U”. Người ký tên xác nhận vào tài liệu này đúng là vợ chồng bà.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92; Điều 227, Điều 228; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 428, 438, 305 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ninh Văn G và bà Vũ Thị K.

Vợ chồng Trần Văn K và bà Phạm Thị U có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Ninh Văn G và bà Vũ Thị K số tiền nợ gốc 80.000.000đ và 81.225.000đ tiền lãi. Tổng chung số tiền phải trả là 161.225.000đ (một trăm sáu mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Văn K và bà Phạm Thị U được miễn án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Ninh Văn G và bà Vũ Thị K đã nộp tạm ứng án phí 4.700.000đ (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006880 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Ninh Văn G, bà Vũ Thị K, ông Trần Văn K và bà Phạm Thị U có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá K Huy